

Số: /2026/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế xây dựng, cập nhật, quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi bổ sung Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định các cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 68/2024/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về việc Quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai;

Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

Căn cứ Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 446/TTr-SNNMT ngày 08 tháng 6 năm 2026 và thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 173/BC-STP ngày 28 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định ban hành Quy chế xây dựng, cập nhật, quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, cập nhật, quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2026.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở, ngành:

Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Thuế thành phố Hải Phòng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai; Giám đốc các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đề b/c);
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế Bộ NNMT;
- TTTU, TTHĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Đoàn ĐBQH TPHP;
- UBMTTQVN TP;
- Sở Tư pháp;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Báo&PTTH HP, CĐ ANHP;
- Công báo TP, Cổng TTĐT TP;
- Các Phòng: XDCT, NC, VX, NVKTGS;
- Lưu: VT, NNMT, P.T.Đức.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Anh Quân

QUY CHẾ
Quy chế xây dựng, cập nhật, quản lý, vận hành và khai thác
cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về xây dựng, cập nhật, quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai các cấp và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xây dựng, cập nhật, quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ sở dữ liệu (viết tắt là CSDL) đất đai* gồm các CSDL thành phần:

- CSDL địa chính;
- CSDL thống kê, kiểm kê đất đai;
- CSDL giá đất;
- CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

2. *Tài khoản* là những thông tin mà người sử dụng được cung cấp để truy cập vào hệ thống gồm có tên người sử dụng, mật khẩu và thông tin cá nhân khác.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. CSDL đất đai thành phố Hải Phòng được xây dựng, quản lý tập trung, thống nhất ở cấp thành phố.

2. Các CSDL thành phần phải được xây dựng đồng thời, liên kết và tích hợp với nhau. CSDL địa chính được ưu tiên xây dựng để làm cơ sở xây dựng và định vị không gian các CSDL thành phần khác của CSDL đất đai.

3. CSDL đất đai xây dựng, cập nhật phải đảm bảo tính pháp lý, thống nhất với thông tin, dữ liệu, tài liệu, hồ sơ được sử dụng để xây dựng CSDL đất đai.

Thông tin trong CSDL đất đai được kiểm tra, nghiệm thu theo quy định thì có giá trị pháp lý như trong hồ sơ đất đai dạng giấy.

Khi phát hiện có sự sai khác thông tin giữa CSDL đất đai với hồ sơ địa chính dạng giấy các cơ quan, đơn vị có liên quan cần kiểm tra đối chiếu với các tài liệu có liên quan để xác định thông tin đúng, tiến hành chỉnh sửa, cập nhật thông tin vào CSDL địa chính.

4. CSDL đất đai xây dựng, cập nhật phải đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất đồng thời trên các khối dữ liệu: dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính và dữ liệu phi cấu trúc.

5. CSDL đất đai phải đảm bảo tính sẵn sàng chia sẻ và khai thác sử dụng. Mọi hoạt động liên quan đến bảo dưỡng, bảo trì làm gián đoạn việc sử dụng CSDL đất đai phải được thông báo tối thiểu trước 12 giờ.

6. CSDL đất đai phải đảm bảo tính lịch sử; các biến động đất đai phải được cập nhật vào thông tin lịch sử của CSDL đất đai.

7. Việc quản lý, vận hành, khai thác phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo mật, an ninh dữ liệu đất đai theo quy định.

Chương II

XÂY DỰNG, CẬP NHẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

Điều 5. Quy định trong xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai

1. Việc xây dựng, cập nhật CSDL đất đai phải đảm bảo tính liên tục và kịp thời ngay khi có biến động về sử dụng đất.

2. Việc xây dựng, cập nhật, chỉnh lý CSDL đất đai phải thông qua phần mềm ứng dụng đảm bảo các tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được cấp tài khoản cập nhật CSDL đất đai theo chức năng nhiệm vụ được giao. Việc cập nhật CSDL đất đai được thực hiện thông qua các hoạt động nghiệp vụ của đơn vị, đảm bảo dữ liệu đúng, đủ theo quy định.

4. Các tổ chức khác được Sở Nông nghiệp và Môi trường thuê hoặc giao nhiệm vụ thực hiện các hạng mục trong các dự án xây dựng CSDL đất đai được phép xây dựng, cập nhật CSDL đất đai theo thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt. Việc xây dựng, cập nhật CSDL đất đai thông qua các công trình dự án phải đảm bảo:

a) Không được làm sai lệch, gián đoạn việc cập nhật dữ liệu thường xuyên của cơ quan đăng ký đất đai.

b) Thông tin cập nhật phải bảo đảm tính đầy đủ, thống nhất đồng thời trên cả 03 khối dữ liệu: không gian, thuộc tính và phi cấu trúc.

c) Sản phẩm sau khi hoàn thành phải được Văn phòng Đăng ký đất đai đối soát thông tin của tất cả các thửa đất trước khi tích hợp vào hệ thống đang vận hành theo quy định.

Điều 6. Phương thức xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai

1. Việc xây dựng, cập nhật CSDL địa chính:

a) CSDL địa chính được xây dựng, cập nhật liên tục, thường xuyên ngay trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai thông qua phần mềm ứng dụng của hệ thống thông tin đất đai.

Thông tin cập nhật phải đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất đồng thời trên các khối dữ liệu gồm: dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính, dữ liệu hồ sơ quét theo quy trình điện tử đã được thiết lập trên hệ thống phần mềm tương ứng với thủ tục hành chính theo quy định.

Hồ sơ tiếp nhận và kết quả giải quyết thủ tục hành chính đều phải số hóa trước khi trả kết quả và thực hiện lưu trữ vào CSDL; định dạng tệp tin lưu trữ dưới khuôn dạng *.pdf.

b) Đối với các trường hợp thửa đất có thay đổi, biến động về thông tin, dữ liệu đất đai mà không gắn với việc thực hiện thủ tục hành chính về đất đai (như xây dựng, cập nhật CSDL đất đai theo các công trình, dự án hoặc đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính hoặc cập nhật dữ liệu từ hồ sơ địa chính): Việc cập nhật được thực hiện trên cơ sở giấy tờ pháp lý được cơ quan thẩm quyền phê duyệt thay đổi.

c) CSDL địa chính (dạng số) và hồ sơ địa chính (dạng giấy) phải đảm bảo tính thống nhất nội dung thông tin. Trường hợp có sự sai khác, cơ quan đăng ký đất đai có trách nhiệm đối soát tài liệu hồ sơ gốc để xác định thông tin đúng và hiệu chỉnh kịp thời vào hệ thống.

2. CSDL thống kê, kiểm kê đất đai được cập nhật theo kết quả điều chỉnh sau khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cập nhật theo kết quả điều chỉnh trong kỳ sau khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. CSDL giá đất được cập nhật trên cơ sở kết quả điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất; định giá đất cụ thể; trúng đấu giá quyền sử dụng đất; phiếu thu thập thông tin về thửa đất; phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai.

Điều 7. Trách nhiệm xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường là đơn vị chủ quản, chịu trách nhiệm trong công tác xây dựng, cập nhật, chỉnh lý CSDL đất đai tại thành phố Hải Phòng.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường là đơn vị được giao trực tiếp cập nhật, chỉnh lý CSDL địa chính, CSDL thống kê - kiểm kê đất đai theo chức năng, nhiệm vụ; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai chịu trách nhiệm cập nhật, chỉnh lý CSDL tại địa bàn quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tạo lập dữ liệu địa chính trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai theo thẩm quyền. Chuyển thông tin địa chính kèm theo hồ sơ thông qua phần mềm quản lý đất đai tới Văn phòng Đăng ký đất đai (đối với hồ sơ của tổ chức) hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai (đối với hồ sơ của cá nhân, cộng đồng dân cư) để xây dựng, cập nhật, chỉnh lý CSDL địa chính.

Đối với các dữ liệu đất đai khác: Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp, cung cấp hồ sơ gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để xây dựng, cập nhật vào CSDL đất đai.

Điều 8. Kiểm tra, giám sát việc cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính và CSDL đất đai do Văn phòng Đăng ký đất đai và các cơ quan khác thực hiện.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai kiểm tra, rà soát việc cập nhật CSDL đất đai thông qua phần mềm CSDL đất đai đang vận hành.

Chương III

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

Điều 9. Cơ quan quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường là đơn vị chủ quản, chịu trách nhiệm trong công tác quản lý, vận hành và khai thác CSDL đất đai tại thành phố Hải Phòng.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường là đơn vị được giao trực tiếp quản lý, vận hành, khai thác CSDL đất đai tại thành phố Hải Phòng. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai là đơn vị vận hành, khai thác CSDL đất đai tại địa bàn quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã truy cập, khai thác CSDL đất đai để giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với các hồ sơ theo thẩm quyền và phục vụ các nhiệm vụ quản lý đất đai khác.

Điều 10. Quản lý tài khoản người sử dụng

1. Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện chức năng quản trị Hệ thống CSDL tại thành phố; chịu trách nhiệm quản lý, giám sát, cấp tài khoản và phân quyền cho các nhóm người dùng để truy cập, cập nhật và khai thác CSDL đất đai theo đúng chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý được giao.

2. Việc cấp, thay đổi, thu hồi và phân quyền tài khoản người sử dụng căn cứ theo đề nghị bằng văn bản của đơn vị cần cấp tài khoản người sử dụng. Tài

khoản được cấp phải định danh duy nhất gắn với mã định danh cá nhân của công chức, viên chức và người lao động.

3. Sử dụng và bảo quản tài khoản.

a) Người sử dụng phải có trách nhiệm bảo quản tài khoản theo các quy định về an ninh dữ liệu đất đai, an ninh mạng. Sử dụng đúng mục đích, không xâm nhập trái phép CSDL đất đai; tuyệt đối không được cung cấp tài khoản truy cập vào CSDL đất đai của mình cho người khác sử dụng.

b) Người sở hữu tài khoản chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu làm lộ hoặc mất tài khoản để làm xảy ra thiệt hại đến CSDL đất đai thành phố.

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị có công chức, viên chức và người lao động được giao sử dụng tài khoản của hệ thống phải thường xuyên giám sát, kiểm tra, tuyên truyền về an ninh dữ liệu đất đai, an ninh mạng, bảo mật tài khoản người dùng của đơn vị mình, kịp thời phát hiện và báo cáo các dấu hiệu sử dụng tài khoản không đúng mục đích hoặc gây mất an toàn dữ liệu của đơn vị mình.

d) Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm theo dõi, quản lý, báo cáo, đề xuất xử lý các vấn đề liên quan đến tài khoản đã cấp theo quy định.

4. Tài khoản bị thu hồi hoặc khóa trong những trường hợp sau đây:

a) Tài khoản mới cấp nhưng trong vòng một tuần không đổi mật khẩu được cung cấp ban đầu;

b) Tài khoản không sử dụng quá 03 tháng;

c) Tài khoản bị phát hiện bị mất quyền kiểm soát truy cập hoặc người dùng vi phạm các quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin.

d) Tài khoản sử dụng để cập nhật và đồng bộ dữ liệu của đơn vị thi công khi công trình đã hoàn thành kiểm tra, nghiệm thu.

đ) Trường hợp người dùng thay đổi vị trí công tác, chuyển công tác, thôi việc hoặc nghỉ hưu thì cá nhân, đơn vị quản lý người dùng phải thông báo kịp thời bằng văn bản cho Văn phòng Đăng ký đất đai để thực hiện điều chỉnh, thu hồi hoặc khóa tài khoản người dùng tương ứng.

Điều 11. Quy định về bảo đảm an ninh dữ liệu đất đai

1. Chỉ người sử dụng được cấp tài khoản gắn với mã số định danh cá nhân mới có thể truy nhập CSDL đất đai và chỉ được thực hiện cập nhật, chỉnh lý, khai thác CSDL đất đai trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn.

2. Mọi thao tác truy cập, thêm, sửa, xóa, trích xuất dữ liệu phải được hệ thống lưu lại nhật ký (System Logs).

3. CSDL đất đai phải được bảo đảm an ninh dữ liệu đất đai trước những thay đổi dữ liệu ngoài ý muốn và các hành động phá hoại.

4. Dữ liệu phải được sao lưu dự phòng định kỳ và có phương án phục hồi khi xảy ra sự cố.

5. Trong trường hợp có sự cố, các đơn vị quản lý hạ tầng kỹ thuật công nghệ, đơn vị phần mềm chủ trì cùng Văn phòng Đăng ký đất đai và phòng, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức ứng cứu, khắc phục trong thời gian sớm nhất; đồng thời đánh giá mức độ ảnh hưởng của sự cố và thực hiện báo cáo ngay về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 12. Sao lưu và phục hồi dữ liệu

1. CSDL đất đai thành phố được sao lưu tự động theo thời gian thực (real-time), do phần mềm quản lý CSDL đất đai thực hiện, bảo đảm khả năng khôi phục lại dữ liệu khi xảy ra sự cố.

2. Thiết bị lưu trữ phục vụ cho việc sao lưu dữ liệu cần phải bảo quản riêng, ngắt khỏi hệ thống quản lý, vận hành CSDL đất đai để chống lại các cuộc tấn công mã độc mã hóa dữ liệu theo yêu cầu an ninh dữ liệu đất đai.

Điều 13. Khai thác, cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai

1. Hình thức khai thác và yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai. Tổ chức, cá nhân có thể yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai thông qua các hình thức:

a) Khai thác trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Gửi Phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã hoặc hệ thống Văn phòng Đăng ký đất đai.

2. Thủ tục cung cấp, khai thác thông tin, dữ liệu theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai.

3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 63 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRONG XÂY DỰNG, CẬP NHẬT, QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý nhà nước đối với Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai tại địa phương.

2. Chủ trì tổ chức xây dựng, cập nhật, quản lý, vận hành và khai thác CSDL đất đai trên địa bàn thành phố; đồng bộ dữ liệu đất đai thành phố vào CSDL quốc gia về đất đai thường xuyên, liên tục.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật và tổ chức kiểm tra giám sát thường xuyên việc xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác CSDL đất đai.

4. Hàng năm, chủ trì lập kế hoạch và dự toán kinh phí để đảm bảo duy trì hoạt động quản lý, cập nhật, bảo trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và CSDL đất đai trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.

5. Đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin, an ninh, an toàn hệ thống CSDL đất đai; phối hợp với các cơ quan an ninh mạng xử lý sự cố và ứng cứu khẩn cấp theo quy định.

6. Chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc căn cứ nhiệm vụ được giao:

a) Xây dựng, cập nhật dữ liệu ngay trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai. Đảm bảo đầy đủ, thống nhất các khối dữ liệu gồm: dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính, dữ liệu hồ sơ quét.

b) Thông báo và luân chuyển hồ sơ thủ tục hành chính sau khi hoàn thành giải quyết tới Văn phòng Đăng ký đất đai để lưu trữ, cập nhật CSDL địa chính, đưa vào vận hành.

7. Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện:

a) Quản lý, cập nhật và khai thác CSDL đất đai thành phố Hải Phòng, đảm bảo hệ thống thông tin hoạt động ổn định, thông suốt.

b) Ký số (ký điện tử) vào Sổ địa chính điện tử và hồ sơ quét để xác thực pháp lý cuối cùng, đưa dữ liệu vào vận hành theo quy định.

c) Nhận bàn giao các sản phẩm từ các công trình, dự án liên quan đến xây dựng CSDL đất đai và tổ chức quản lý, lưu trữ và khai thác thông tin theo quy định.

d) Tổ chức sao lưu dự phòng và phục hồi hệ thống khi gặp sự cố.

Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ngành

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Cung cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin để phục vụ cài đặt phần mềm quản lý, lưu trữ CSDL đất đai thành phố Hải Phòng.

b) Hướng dẫn, hỗ trợ Sở Nông nghiệp và Môi trường kết nối liên thông và chia sẻ dữ liệu qua nền tảng tích hợp dữ liệu.

2. Sở Tài chính

Căn cứ Kế hoạch xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác CSDL đất đai được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí

để thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và quy định tài chính hiện hành.

3. Thuế thành phố Hải Phòng

Chủ trì cùng Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai theo hình thức điện tử theo quy định.

4. Công an thành phố

Phối hợp trong công tác bảo đảm an ninh dữ liệu đất đai, an ninh mạng hệ thống thông tin, CSDL đất đai theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tạo lập dữ liệu địa chính ngay trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai theo quy trình điện tử đã được thiết lập trên hệ thống quản lý CSDL đất đai. Thông tin xây dựng, cập nhật phải đảm bảo đầy đủ, thống nhất các khối dữ liệu gồm: dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính, dữ liệu hồ sơ quét.

2. Thông báo và luân chuyển hồ sơ thủ tục hành chính sau khi hoàn thành giải quyết tới Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để lưu trữ, cập nhật CSDL địa chính, đưa vào vận hành. Tuyệt đối không lưu giữ hồ sơ giấy hoặc chậm trễ trong việc đồng bộ dữ liệu lên hệ thống máy chủ tập trung của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3. Thực hiện khai thác các thông tin trên CSDL đất đai để phục vụ công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn.

4. Mọi sai sót phát sinh trên hệ thống thuộc địa bàn quản lý phải được rà soát và gửi căn cứ trực tiếp cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để phối hợp chỉnh lý theo thẩm quyền.

5. Trường hợp đơn vị có công chức, viên chức, người lao động nghỉ việc hoặc luân chuyển công tác thì phải có thông báo bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường và Văn phòng Đăng ký đất đai để tiến hành khóa tài khoản ngay sau khi nhận được thông báo.

Điều 17. Trách nhiệm của các đơn vị thi công công trình xây dựng, hoàn thiện dữ liệu đất đai.

1. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai đúng theo hợp đồng hoặc văn bản giao nhiệm vụ của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố dựa trên các dự án, thiết kế kỹ thuật, kế hoạch đã được phê duyệt.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý, tính chính xác của nội dung dữ liệu đất đai đã xây dựng, cập nhật trong thời gian thi công công trình, dự án.

3. Quá trình xây dựng dữ liệu thông qua các công trình, dự án không được làm sai lệch, giả mạo dữ liệu hiện có trong hệ thống và không được gây gián đoạn

việc cập nhật dữ liệu thường xuyên của cơ quan đăng ký đất đai. Đơn vị thi công phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo mật tài khoản người dùng và an toàn hệ thống thông tin theo quy định của Luật Dữ liệu và Luật An ninh mạng.

4. Giao nộp dữ liệu hoàn thiện sau khi được kiểm tra nghiệm thu cho Văn phòng Đăng ký đất đai quản lý theo các quy định hiện hành.

Điều 18. Trách nhiệm, quyền hạn của công chức, viên chức và người lao động trong việc khai thác sử dụng CSDL đất đai

1. Công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được quyền khai thác thông tin trong CSDL quốc gia về đất đai thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Khi được cấp quyền truy cập vào CSDL qua cổng thông tin điện tử, công chức, viên chức và người lao động có trách nhiệm truy cập đúng địa chỉ, tài khoản và mật khẩu; tuyệt đối không được làm lộ thông tin tài khoản truy cập. Khi bị mất quyền truy cập cần báo ngay cho cơ quan quản lý hệ thống thông tin đất đai kịp thời xử lý.

3. Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu phải đúng mục đích theo yêu cầu cung cấp; không được sử dụng cho mục đích, công việc khác nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan, tổ chức sở hữu thông tin và theo quy định của pháp luật.

4. Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, phải có trách nhiệm làm rõ nguồn gốc thông tin, dữ liệu đang sử dụng.

5. Tuyệt đối không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng.

6. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và sở hữu trí tuệ; khi sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai phải trích dẫn nguồn rõ ràng.

7. Có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai về những sai sót (nếu có) của thông tin, dữ liệu đã được cung cấp để khắc phục.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Thuế thành phố Hải Phòng và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tổ chức triển khai thực hiện; theo dõi, kiểm tra định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố tình hình triển khai của các đơn vị.

2. Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, cần điều chỉnh bổ sung các tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung quy chế này phù hợp tình hình thực tế./.